



TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ
NGHỆ AN



TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG



TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ
ĐẠI HỌC HUẾ

UEH | Viện
UNIVERSITY | Nghiên cứu kinh doanh

VIỆN NGHIÊN CỨU KINH DOANH
ĐẠI HỌC KINH TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

KỶ YẾU

HỘI THẢO KHOA HỌC QUỐC GIA

PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC, THÚC ĐẨY ĐẦU TƯ XANH

HƯỚNG TỚI MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

NHÀ XUẤT BẢN NGHỆ AN

BAN TỔ CHỨC

1. **TS. Nguyễn Ngọc Hiếu**, Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế Nghệ An, Trưởng ban
2. **PGS.TS. Đoàn Ngọc Phi Anh**, Phó Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng, đồng Trưởng ban
3. **PGS. TS. Bùi Đức Tính**, Phó Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế, Đại học Huế, đồng Trưởng ban
4. **GS. TS. Võ Xuân Vinh**, Viện trưởng Viện Nghiên cứu Kinh doanh, Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh, đồng Trưởng ban
5. **TS. Đỗ Ngọc Đài**, Trưởng phòng QLĐT-KH&HTQT, Trường Đại học Kinh tế Nghệ An, Ủy viên thường trực
6. **TS. Phan Hoa Cương**, Chủ tịch Hội đồng Trường Trường Đại học Kinh tế, Đại học Huế, Ủy viên
7. **TS. Trần Thị Bích Ngọc**, Trưởng Phòng KH&HTQT, Trường Đại học Kinh tế, Đại học Huế, Ủy viên
8. **PGS. TS. Nguyễn Phong Nguyên**, Ban Nghiên cứu, Phát triển và Gắn kết toàn cầu, Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh, Ủy viên
9. **PGS. TS. Đặng Hữu Mão**, Trưởng Phòng KH&HTQT, Trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng, Ủy viên
10. **TS. Hồ Thị Hiền**, Trưởng Khoa KT - QTKD, Trường Đại học Kinh tế Nghệ An, Ủy viên

BAN NỘI DUNG:

1. **TS. Đỗ Ngọc Đài** - Trưởng Ban
2. **PGS.TS. Đặng Hữu Mẫn** - Ủy viên
3. **GS.TS. Trương Bá Thanh** - Ủy viên
4. **GS.TS. Nguyễn Trường Sơn** - Ủy viên
5. **PGS.TS. Bùi Quang Bình** - Ủy viên
6. **PGS.TS. Đào Hữu Hoà** - Ủy viên
7. **PGS.TS. Ngô Văn Hà** - Ủy viên
8. **TS. Cao Trí Dũng** - Ủy viên
9. **TS. Lê Tô Minh Tân** - Ủy viên
10. **TS. Hà Thị Hằng** - Ủy viên
11. **TS. Phan Thị Thu Hương** - Ủy viên
12. **PGS. TS. Nguyễn Phong Nguyên** - Ủy viên
13. **TS. Nguyễn Thanh Phong** - Ủy viên
14. **ThS. Nguyễn Văn Thuỳ** - Ủy viên
15. **TS. Hồ Thị Hiền** - Ủy viên
16. **TS. Đường Thị Liên Hà** - Ủy viên
17. **ThS. Dương Quỳnh Anh** - Ủy viên
18. **TS. Lê Thuỳ Dung** - Ủy viên, Thư ký

BAN THƯ KÝ:

1. **ThS. Nguyễn Văn Thuỳ** - Tổ trưởng
2. **TS. Lê Thuỳ Dung** - Thành viên
3. **ThS. Dương Thị Hà Lê** - Thành viên
4. **ThS. Nguyễn Phước Khánh Hải** - Thành viên
5. **ThS. Dương Quỳnh Anh** - Thành viên
6. **ThS. Phan Thị Hoàn** - Thành viên

LỜI MỞ ĐẦU

Hội thảo khoa học quốc gia “**Phát triển nguồn nhân lực, thúc đẩy đầu tư xanh hướng tới mục tiêu phát triển bền vững**” do Trường Đại học Kinh tế Nghệ An, Trường Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng, Trường Đại học Kinh tế - Đại học Huế và Viện Nghiên cứu Kinh doanh - Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh đồng tổ chức với mong muốn tăng cường trao đổi học thuật, thực tiễn và cung cấp một diễn đàn cho các học giả, các chuyên gia, doanh nghiệp trong và ngoài nước tham gia thảo luận.

Hội thảo đã nhận 145 bài báo khoa học của 72 trường đại học, học viện, viện nghiên cứu, các doanh nghiệp trong cả nước. Nội dung các bài viết tập trung chia sẻ các vấn đề cơ sở lý luận của mục tiêu phát triển bền vững; bài học kinh nghiệm của cơ sở giáo dục, doanh nghiệp; các mô hình chuyển đổi số; ứng dụng khoa học công nghệ; các mô hình đầu tư, kinh doanh nhằm thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững trong giai đoạn hiện nay. Qua quá trình phản biện, ban tổ chức hội thảo đã lựa chọn được 118 bài viết để xuất bản kỷ yếu. Các bài viết được lựa chọn là nguồn tài liệu quý phục vụ cho quá trình nghiên cứu, đề xuất các giải pháp góp phần thực hiện mục tiêu phát triển bền vững trong thời gian tới.

Ban tổ chức trân trọng cảm ơn đặc biệt đến các đơn vị đồng tổ chức, quý tác giả, quý học giả, quý các nhà khoa học đã dành sự quan tâm đối với Hội thảo. Trong quá trình biên soạn kỷ yếu không tránh khỏi các thiếu sót, rất mong nhận được sự góp ý từ quý độc giả.

Trân trọng cảm ơn!

BAN TỔ CHỨC HỘI THẢO

MỨC ĐỘ NHẬN THỨC VÀ KỶ VỌNG CỦA NGƯỜI HỌC KHI QUYẾT ĐỊNH LỰA CHỌN CÁC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CỬ NHÂN KHỐI NGÀNH KINH TẾ TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH

Nguyễn Đăng Đức⁽¹⁾, Bùi Thị Khánh Huyền⁽²⁾, Lê Thị Giang⁽³⁾

TÓM TẮT:

Trong nghiên cứu này, dựa vào các lí thuyết của các nghiên cứu trước để xây dựng một khung lí thuyết chung về nhận thức và kỳ vọng của người học khi lựa chọn các chương trình đào tạo cử nhân khối ngành kinh tế tại Trường Đại học Vinh. Với kích thước mẫu nghiên cứu là 648, đối tượng nghiên cứu là các sinh viên năm nhất Trường Kinh tế - Trường Đại học Vinh, kết quả nghiên cứu đã làm rõ các khái niệm có liên quan đến nhận thức và kỳ vọng của người học, đề xuất các tiêu chí đánh giá nhận thức và kỳ vọng của người học; đề xuất các giải pháp phù hợp để sinh viên năm nhất có thể thành công hơn khi tham gia học tập tại Trường Đại học Vinh, đáp ứng được kỳ vọng của người học khi học tập tại trường.

Từ khoá: Nhận thức, kỳ vọng, kinh tế, Trường Đại học Vinh.

ABSTRACT:

The article analyzes, based on the theories of previous studies to build a general theoretical framework about the perception and expectations of learners when choosing bachelor's degree programs in economics at Vinh University. With a sample size of 648, the research subjects were first-year students at the Vinh University, the research results have clarified concepts related to learners' perceptions and expectations; propose criteria to evaluate learners' perceptions and expectations; Propose appropriate solutions so that first-year students can be more successful when studying at the Vinh University, satisfy learners' expectations.

Keywords: Perception, expectation, economics, Vinh university.

1. Đặt vấn đề

Sự cạnh tranh giữa các trường đại học nói chung, các trường đào tạo đại học ngành kinh tế nói riêng để tăng số lượng người tham gia các chương trình đào tạo ngày càng gay gắt. Với thách thức của việc tuyển sinh đủ chỉ tiêu hằng năm và sự

1. Trường Đại học Vinh. Email: nguyenduckt@vinhuni.edu.vn

2. Trường Đại học Vinh. Email: buikhanhhuyen2004cx@gmail.com

3. Trường Đại học Vinh. Email: lethigiang365@gmail.com

cạnh tranh về số lượng người học, đòi hỏi các trường đào tạo ngành kinh tế không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo, vị thế và uy tín của mình. Định hướng và quyết định lựa chọn ngành nghề, trường đại học của học sinh tốt nghiệp THPT có ý nghĩa rất quan trọng đến phát triển của xã hội. Thực tế, việc lựa chọn trường đại học hay ngành học còn phụ thuộc nhiều vào các yếu tố khác mà không xuất phát từ năng lực và nhu cầu, nguyện vọng của chủ thể. Việc nghiên cứu nhận thức và kỳ vọng của người học khi lựa chọn học các chương trình đào tạo cử nhân khối ngành kinh tế có ý nghĩa thực tiễn cao và phù hợp với nhu cầu của các trường đại học đào tạo ngành kinh tế trong bối cảnh hiện nay. Việc xây dựng chương trình đào tạo, trang bị cơ sở vật chất, nâng cao chất lượng giảng dạy và ứng dụng công nghệ thông tin trong chương trình giảng dạy là vấn đề cốt lõi trong việc thực hiện mục tiêu, tầm nhìn, sứ mạng của nhà trường cần phù hợp với nhận thức và kỳ vọng của người học.

Thực hiện chủ trương tái cấu trúc Trường Đại học Vinh, từ tháng 9/2021, Trường Kinh tế thuộc Trường Đại học Vinh được thành lập trên cơ sở tổ chức lại các đơn vị đào tạo của Khoa Kinh tế. Đây là một sự kiện quan trọng đánh dấu bước phát triển mới của Khoa Kinh tế, mở ra cơ hội lớn đi kèm những thách thức không nhỏ đối với trường trong quá trình phát triển. Hiện nay, Trường Kinh tế - Trường Đại học Vinh có 6 mã ngành đào tạo đại học chính quy gồm: Kế toán, Quản trị kinh doanh (trong đó có hệ đào tạo CLC ngành Quản trị kinh doanh), Thương mại điện tử, Kinh tế (chuyên ngành Kinh tế đầu tư, Quản lý kinh tế), Tài chính - Ngân hàng (chuyên ngành Tài chính doanh nghiệp, Ngân hàng thương mại), Kinh tế số.

Để làm rõ những nhận thức và kỳ vọng của người học khi quyết định lựa chọn học các chương trình đào tạo đại học ngành kinh tế tại Trường Đại học Vinh, từ đó đưa ra được những định hướng, điều chỉnh hoặc chuẩn bị phù hợp để sinh viên năm nhất có thể thành công hơn khi tham gia học tập tại các chương trình đào tạo đại học các ngành kinh tế, chúng tôi chọn nghiên cứu “Nhận thức và kỳ vọng của người học khi quyết định lựa chọn các chương trình đào tạo cử nhân khối ngành kinh tế tại Trường Đại học Vinh”. Bài viết được thực hiện theo bố cục gồm 5 phần, bao gồm phần giới thiệu, tổng quan nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu, kết quả nghiên cứu, kết luận và giải pháp.

2. Tổng quan lý thuyết về nhận thức và kỳ vọng của người học

2.1. Lý thuyết về nhận thức

Hai lý thuyết quan trọng về nhận thức là lý thuyết hành động hợp lý (TRA) và lý thuyết hành vi có kế hoạch (TPB) được sử dụng phổ biến để dự báo các hành vi của các cá nhân dựa trên ảnh hưởng nhận thức của họ. Cụ thể: Lý thuyết hành động hợp lý (Theory of Reasoned Action - TRA) được phát triển bởi Ajzen & Fisbein (1978) nhấn mạnh vào quan hệ giữa thái độ và hành vi. TRA cho rằng, ý định thực hiện một hành vi nào đó của cá nhân là yếu tố dự đoán chính việc họ có thực sự thực hiện hành vi đó hay không. Lý thuyết hành vi có kế hoạch (theory of planned behavior - TPB) được Ajzen phát triển từ việc mở rộng thuyết TRA

(Ajzen & Fishbein, 1978; Ajzen, 1991) bằng cách đưa thêm nhân tố kiểm soát hành vi cảm nhận vào mô hình và xem xét ảnh hưởng của kiểm soát hành vi cảm nhận đến nhận thức của người sử dụng đối với các nhân tố bên trong và bên ngoài đối với hành vi. Trong mô hình này, ý định ảnh hưởng bởi thái độ, chuẩn mực chủ quan và sự kiểm soát cảm nhận đối với hành vi. Theo lý thuyết TPB, ảnh hưởng bên ngoài có tác động tích cực tới ý định đối với hành vi. Ảnh hưởng bên ngoài là sự ủng hộ và hỗ trợ của những người thân xung quanh (gia đình, bạn bè,...) đối với quyết định lựa chọn chương trình học. Sự đồng thuận của những người thân sẽ gia tăng ý định lựa chọn chương trình của bản thân người học. Ảnh hưởng nhận thức bản thân (nhận thức kiểm soát hành vi) thể hiện việc một cá nhân tin tưởng rằng họ có đủ khả năng và năng lực để thực hiện một hành động (Ajzen, 1991). Đối với học sinh, lựa chọn chương trình học ảnh hưởng nhận thức bản thân là sự tin tưởng của họ về việc họ có thể hoàn thành được chương trình học nếu lựa chọn tham gia vào chương trình. Ảnh hưởng bởi nhận thức từ bản thân được xem là có ảnh hưởng tới việc lựa chọn học ngành kinh tế của sinh viên (Đoàn Hiếu, 2023).

Khi cá nhân có nhận thức về khả năng cao năng lực của mình có thể thực hiện được hành động nào đó thì có dễ dàng hơn trong việc lựa chọn thực hiện nó, điều này cũng đúng với việc lựa chọn của sinh viên, sinh viên sẽ nỗ lực hơn trong học tập. Theo Đỗ Hữu Tài, Lâm Thành Hiển & Nguyễn Thanh Lâm (2016), động cơ học tập, động lực học tập, và mối liên hệ giữa chúng với kết quả học tập của người học là những chủ đề thu hút sự quan tâm đặc biệt của nhiều nhà nghiên cứu nhằm có những cách thức tiếp cận phù hợp trong công tác giáo dục đào tạo người học đáp ứng nhu cầu của xã hội. Bằng việc làm rõ nội hàm hai khái niệm “động cơ” và “động lực”, bài viết tập trung nghiên cứu các nhân tố tác động đến động lực học tập của người học. Từ đó, một số gợi ý được đề xuất với giảng viên, với cơ sở giáo dục đào tạo cũng như gia đình và bản thân của người học để người học có động lực học tập tốt hơn. Theo Hoàng Thị Mỹ Nga & Nguyễn Tuấn Kiệt (2016), phân tích các nhân tố tác động đến động lực học tập của sinh viên kinh tế Trường Đại học Cần Thơ. Động lực học tập tạo nên một nguồn sức mạnh, một nguồn năng lực mạnh mẽ khiến chủ thể hành động và duy trì hành động để đạt được kết quả. Kết quả học tập, những gì mà sinh viên học và ứng dụng được vào thực tiễn có ảnh hưởng lớn đến sự nghiệp sau này của họ. Theo nhiều nghiên cứu chỉ ra rằng, động lực học tập của sinh viên chịu tác động bởi các nhóm nhân tố thuộc về nhà trường, nhân tố thuộc về gia đình và nhân tố thuộc về đặc tính cá nhân của sinh viên đó. Kết quả khảo sát từ 495 sinh viên kinh tế cho thấy, các nhân tố tác động bao gồm các hoạt động phong trào, chất lượng giảng viên, chương trình đào tạo, điều kiện học tập và môi trường học tập có tác động tích cực đến động lực học tập của sinh viên.

2.2. Lý thuyết về kỳ vọng

Một lý thuyết trong kinh tế học và tâm lý cũng có thể được sử dụng để giải thích quá trình ra quyết định là lý thuyết kỳ vọng lợi ích (Expected utility theory). Theo lý thuyết về kỳ vọng lợi ích thì để ra quyết định, các cá nhân sẽ đánh giá kỳ

vọng của hành động có thể thực hiện và ước tính được lợi ích của từng lựa chọn (Đoàn Hiếu, 2023).

Các sinh viên có những kỳ vọng về chương trình đào tạo liên quan tới đặc điểm và yêu cầu của khoá học hay chất lượng cho nguồn lực giảng dạy, cơ sở vật chất, hoạt động ngoại khoá, nghề nghiệp sau khi ra trường. Trong quá trình đánh giá kỳ vọng, sinh viên có thể chịu ảnh hưởng bởi các yếu tố thông tin, quan điểm xã hội và áp lực từ gia đình, bạn bè. Điều này cũng cho thấy, có thể kết hợp sử dụng lý thuyết về kỳ vọng lợi ích với các lý thuyết khác để giải thích quá trình ra quyết định lựa chọn trường đại học/chương trình học của sinh viên tiềm năng (Đoàn Hiếu, 2023).

Nghiên cứu của Hill (1995) về kỳ vọng của sinh viên trong các trường đại học tại Vương quốc Anh đã chỉ ra cần tìm hiểu về kỳ vọng của sinh viên, không chỉ trong thời gian họ học trong trường đại học, mà còn cả thời điểm họ nhập học và thậm chí trước đó, để có thể quản lý được kỳ vọng của sinh viên từ khi nhập học đến khi tốt nghiệp, nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ của mình.

Phạm Thị Liên (2016), trong khảo sát chất lượng dịch vụ đào tạo và sự hài lòng của người học trường hợp Trường Đại học Kinh tế, Đại học Quốc gia Hà Nội. Để tồn tại và phát triển, các trường học cần chú trọng vào chất lượng dịch vụ nhằm nâng cao sự hài lòng của người học. Thông tin về sự hài lòng của sinh viên sẽ giúp nhà trường có những điều chỉnh kịp thời giúp nâng cao chất lượng đào tạo. Dựa vào kết quả thu được, ta có thể dễ dàng nhận thấy, cần tập trung nhất vào củng cố và nâng cao chương trình đào tạo. Chương trình đào tạo là yếu tố ảnh hưởng rất lớn đến sự hài lòng của sinh viên trong khảo sát trên. Chương trình đào tạo phải phù hợp với yêu cầu người học, đáp ứng thị trường lao động và yêu cầu của xã hội.

Học đại học thường được xem như một khoản đầu tư cho tương lai. Sinh viên và gia đình họ luôn hy vọng chương trình đại học mang lại những lợi ích trong tương lai, trong đó quan trọng nhất là cơ hội có việc làm. Những kỳ vọng lợi ích từ chương trình học có thể là khả năng phát triển sự nghiệp, triển vọng nghề nghiệp trong tương lai, các lợi ích từ đặc điểm thiết kế chương trình cũng như các yêu cầu khoá học và chất lượng nguồn lực cho giảng dạy và học tập của chương trình học. Đây là những lợi ích mong muốn có được từ chương trình học có thể ảnh hưởng tới ý định và khả năng ra quyết định lựa chọn chương trình của sinh viên (Đoàn Hiếu, 2023).

3. Phương pháp nghiên cứu

3.1. Thu thập dữ liệu

Căn cứ vào công thức xác định cỡ mẫu của Slovin & Sushka (1984). Căn cứ vào tổng số sinh viên năm thứ nhất từng ngành thực tế đang theo học tại Trường Kinh tế - Trường Đại học Vinh, nhóm nghiên cứu xác định số lượng sinh viên điều tra tối thiểu từng ngành học được trình bày tại Bảng 1.

Bảng 1. Số lượng sinh viên điều tra tối thiểu theo từng ngành

Ngành học	Số lượng sinh viên thực tế đang học	Số lượng sinh viên điều tra tối thiểu theo công thức Slovin
Quản trị kinh doanh	191	129
Kế toán	367	191
Tài chính ngân hàng	135	100
Kinh tế	168	118

(Nguồn: Tổng hợp từ số liệu điều tra)

Trong tổng số 648 sinh viên năm thứ nhất được điều tra, đối tượng được điều tra nhiều nhất là sinh viên Kế toán với 266 sinh viên (chiếm tỉ lệ 41%), tiếp đến là sinh viên ngành Quản trị kinh doanh có 160 sinh viên (chiếm tỉ lệ 24,7%), tiếp theo là sinh viên ngành Kinh tế có 122 sinh viên trả lời phiếu khảo sát (chiếm 18,7%) và cuối cùng là Tài chính ngân hàng với 100 sinh viên (chiếm tỉ lệ 15,4%). Kết quả đối chiếu Bảng 2 và Bảng 1 cho thấy số lượng sinh viên điều tra thực tế của từng ngành học đại diện được cho tổng thể.

Bảng 2. Mẫu điều tra theo ngành học

Đối tượng	Số lượng	Tỉ lệ (%)
Kinh tế	122	18,8
Quản trị kinh doanh	160	24,7
Tài chính ngân hàng	100	15,4
Kế toán	266	41
Tổng	648	100

(Nguồn: Tổng hợp từ số liệu điều tra)

Trong số 648 sinh viên được điều tra, có 110 sinh viên có giới tính nam (chiếm tỉ lệ 17%), 538 sinh viên có giới tính nữ (chiếm tỉ lệ 83%). Kết quả này phản ánh đúng thực tế khi chủ yếu sinh viên học tại Trường Kinh tế - Trường Đại học Vinh là nữ.

Bảng 3. Mẫu điều tra theo giới tính

Giới tính	Số lượng	Tỉ lệ (%)
Nam	110	17
Nữ	538	83
Tổng	648	100

(Nguồn: Tổng hợp từ số liệu điều tra)

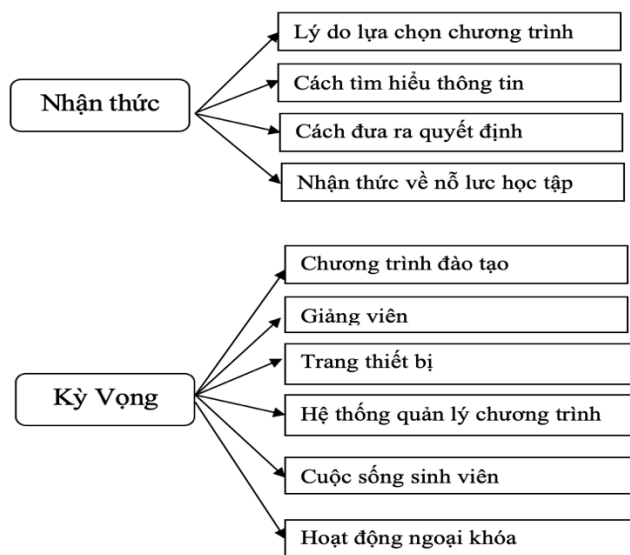
3.2. Xử lý số liệu

Trong nghiên cứu này, phương pháp thống kê mô tả được sử dụng để tính toán và phân tích nhận thức và kỳ vọng của người học, thống kê mô tả được sử dụng để mô tả những đặc tính cơ bản của dữ liệu thu thập được từ nghiên cứu thực nghiệm qua các cách thức khác nhau. Thống kê mô tả cung cấp những tóm tắt đơn giản về mẫu và các thước đo. Các đại lượng thống kê mô tả: Mean: Số trung bình cộng; Độ lệch chuẩn; Giá trị nhỏ nhất, giá trị lớn nhất. Tác giả sử dụng thang đo likert 5 mức độ, thang đo này cũng được sử dụng trong một số nghiên cứu về kinh tế. Số liệu thu về từ các phiếu điều tra được đánh giá ở mức độ: Nhận thức (Hoàn toàn không đồng ý; Không đồng ý; Phân vân; Đồng ý; Hoàn toàn đồng ý); Kỳ vọng (Rất không kỳ vọng; Không kỳ vọng; Phân vân; Kỳ vọng; Rất kỳ vọng).

3.3. Tiêu chí đánh giá nhận thức và kỳ vọng của người học khi dự tuyển

Nghiên cứu định tính của Kandiko & Mawer (2013) với hơn 150 sinh viên tại 16 trường đại học ở Vương quốc Anh đã tập hợp 8 nhóm yếu tố lớn liên quan đến nhận thức và kỳ vọng của sinh viên khi bước vào học đại học, và được chia thành 38 ý kiến nhỏ hơn, bao gồm các yếu tố từ giá trị của chương trình, nội dung chương trình đào tạo, môi trường học tập, khả năng nghề nghiệp trong tương lai, đến hệ thống quản lý, hệ thống hỗ trợ học tập và hoạt động, cơ sở vật chất.

Trong nghiên cứu của Trịnh Thị Thu Giang (2016), đề xuất 10 tiêu chí chính để đánh giá nhận thức kỳ vọng của người học như Hình 1.



Hình 1. Các tiêu chí đánh giá nhận thức và kỳ vọng của người học khi dự tuyển vào chương trình

(Nguồn: Trịnh Thị Thu Giang, 2016)

Dựa vào các nghiên cứu liên quan, nhóm nghiên cứu đề xuất các tiêu chí đánh giá nhận thức và kỳ vọng của người học quyết định lựa chọn các chương trình đào tạo đại học ngành kinh tế tại Trường Kinh tế - Trường Đại học Vinh tại Bảng 4.

Bảng 4. Các tiêu chí đánh giá nhận thức và kỳ vọng của người học khi dự tuyển vào chương trình

STT	Tiêu chí	Nguồn
I	Nhận thức	
1	Lí do chọn học tại Trường Kinh tế - Trường Đại học Vinh	
1.1	Muốn được học ngành kinh tế vì nó năng động	Nhóm đề xuất
1.2	Muốn được học tại Trường Kinh tế - Đại học Vinh	Nhóm đề xuất
1.3	Vì có nhiều cơ hội việc làm hơn sau khi tốt nghiệp	Nhóm đề xuất
2	Cách tìm hiểu thông tin	
2.1	Quảng cáo báo giấy	Điều chỉnh từ Trịnh Thị Thu Giang (2016)
2.2	Quảng cáo báo mạng	Điều chỉnh từ Trịnh Thị Thu Giang (2016)
2.3	Qua mạng xã hội (Zalo, Facbook,...)	Nhóm đề xuất
2.4	Chương trình giới thiệu về ngành học của trường	Điều chỉnh từ Trịnh Thị Thu Giang (2016)
2.5	Bố/ mẹ, người thân giới thiệu	Điều chỉnh từ Trịnh Thị Thu Giang (2016)
2.6.	Bạn bè giới thiệu	Điều chỉnh từ Trịnh Thị Thu Giang (2016)
3	Cách đưa ra quyết định vào trường	
3.1	Bố mẹ em quyết định	Điều chỉnh từ Trịnh Thị Thu Giang (2016)
3.2	Bố mẹ em và em cùng quyết định	Trịnh Thị Thu Giang (2016)
3.3	Em quyết định và bố mẹ em ủng hộ	Điều chỉnh từ Trịnh Thị Thu Giang (2016)

3.4	Em tự mình quyết định	Điều chỉnh từ Trịnh Thị Thu Giang (2016)
4.	Nhận thức về nỗ lực học tập cần có khi tham gia học tập tại trường	
4.1	Em nghĩ rằng việc nỗ lực học tập là quan trọng đối với em	Nhóm đề xuất
4.2	Em thấy rằng việc nỗ lực học tập là hoàn toàn đúng đắn	Nhóm đề xuất
4.3	Việc nỗ lực học tập là việc em cần phải làm ngay từ năm thứ nhất	Nhóm đề xuất
4.4	Em phải hết sức nỗ lực học tập mới có thể ra trường	Nhóm đề xuất
II	Kỳ vọng	
1	Kỳ vọng về chương trình đào tạo	
1.1	Chương trình đào tạo phù hợp với trình độ người học	Nhóm đề xuất
1.2	Các môn học gắn liền với thực tế tại doanh nghiệp hiện nay	Nhóm đề xuất
1.3	Tài liệu các môn học phong phú, dễ dàng tiếp cận	Nhóm đề xuất
1.4	Chương trình đào tạo đáp ứng được xu hướng hội nhập hiện nay	Nhóm đề xuất
1.5	Chương trình đào tạo được cập nhật và chỉnh sửa thường xuyên	Nhóm đề xuất
2	Kỳ vọng về giảng viên	
2.1	Giảng viên người nước ngoài giảng dạy	Điều chỉnh từ Trịnh Thị Thu Giang (2016)
2.2	Giảng viên được đào tạo ở nước ngoài	Nhóm đề xuất
2.3	Giảng viên có trình độ thạc sĩ	Nhóm đề xuất
2.4	Giảng viên có trình độ tiến sĩ	Nhóm đề xuất
2.5	Giảng viên rất thân thiện	Điều chỉnh từ Trịnh Thị Thu Giang (2016)
2.6.	Phương pháp giảng dạy của giảng viên dễ hiểu, sinh động	Nhóm đề xuất

3.	Kỳ vọng về trang thiết bị, cơ sở vật chất	
3.1	Trang thiết bị thực hành đầy đủ	Điều chỉnh từ Trịnh Thị Thu Giang (2016)
3.2	Có nhiều phòng máy tính để sinh viên thực hành	Điều chỉnh từ Trịnh Thị Thu Giang (2016)
3.3	Mạng wifi đủ mạnh và được phủ sóng toàn trường	Điều chỉnh từ Trịnh Thị Thu Giang (2016)
3.4	Hệ thống thư viện hiện đại	Điều chỉnh từ Trịnh Thị Thu Giang (2016)
3.5	Số lượng lớn các phòng học lí thuyết và thực hành	Nhóm đề xuất
3.6.	Có nhiều khu vui chơi, thể thao, giải trí cho sinh viên	Nhóm đề xuất
4	Kỳ vọng về hệ thống quản lí	
4.1	Công tác quản lí tạo điều kiện cho người học	Nhóm đề xuất
4.2	Cán bộ quản lí rất thân thiện với sinh viên	Điều chỉnh từ Trịnh Thị Thu Giang (2016)
5	Kỳ vọng về cuộc sống sinh viên và hoạt động ngoại khoá	
5.1	Có nhiều bạn mới ở trường	Điều chỉnh từ Trịnh Thị Thu Giang (2016)
5.2	Thời gian hoà nhập vào môi trường mới nhanh	Điều chỉnh từ Trịnh Thị Thu Giang (2016)
5.3	Hoạt động ngoại khoá đa dạng	Điều chỉnh từ Trịnh Thị Thu Giang (2016)
5.4.	Mong muốn tham gia vào hoạt động ngoại khoá thường xuyên	Điều chỉnh từ Trịnh Thị Thu Giang (2016)

(Nguồn: Tổng hợp của nhóm tác giả)

4. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

4.1. Nhận thức của người học về chương trình

4.1.1. Lí do chọn chương trình

Kết quả khảo sát về lí do chọn chương trình đào tạo đại học các ngành kinh tế tại Trường Đại học Vinh cho thấy: Có 365 sinh viên (chiếm tỉ lệ 56,3%) chọn chương trình là do sẽ có nhiều cơ hội việc làm hơn sau khi tốt nghiệp, tiếp đến là muốn được học ngành vì nó năng động, có 174 sinh viên lựa chọn (chiếm tỉ lệ 26,9%). Với kết quả nghiên cứu này cho thấy, tâm lí của người học khi dự tuyển

ngành kinh tế vẫn quan tâm chủ yếu tới đầu ra của ngành là dễ xin được việc làm. Kết quả nghiên cứu này phản ánh đúng thực tế khi việc làm sau khi tốt nghiệp luôn là vấn đề rất được quan tâm, không chỉ đối với bản thân sinh viên mà cả đối với gia đình, nhà trường và xã hội. Có một việc làm đúng với ngành nghề đào tạo luôn là mơ ước của không chỉ đối với các sinh viên tốt nghiệp ra trường mà ngay cả đối với các em còn ngồi trên ghế giảng đường đại học.

Bảng 5. Kết quả khảo sát lí do chọn chương trình đào tạo

Lí do chọn chương trình	Số lượng	Tỉ lệ (%)
Muốn được học ngành vì nó năng động	174	26,9
Muốn được học tại trường	109	16,8
Vì có nhiều cơ hội việc làm hơn sau khi tốt nghiệp	365	56,3
Tổng	648	100

(Nguồn: Tổng hợp từ số liệu điều tra)

4.1.2. Cách tìm hiểu thông tin

Trong bảng kết quả điều tra cách tìm hiểu thông tin khi dự tuyển vào trường, kết quả cho thấy, cách tìm hiểu thông tin phổ biến nhất là chương trình giới thiệu ngành học tại trường (có 21,1% được sinh viên lựa chọn), tiếp theo là bố, mẹ, người thân giới thiệu (có 19,9% sinh viên được hỏi lựa chọn), phương thức ít phổ biến nhất là quảng cáo báo giấy (chỉ có 1,9% sinh viên lựa chọn). Nhằm cung cấp đầy đủ, kịp thời đến các em học sinh và quý phụ huynh những thông tin mới nhất về tuyển sinh đại học chính quy hằng năm. Thời gian qua, dịp đầu năm, Trường Đại học Vinh đều tự tổ chức hoặc phối hợp tổ chức chuỗi chương trình tư vấn tuyển sinh. Kết quả nghiên cứu này một lần nữa khẳng định vai trò quan trọng của chương trình tư vấn tuyển sinh hằng năm của Trường Đại học Vinh nói chung, Trường Kinh tế nói riêng. Do vậy, thời gian tới, Trường Kinh tế nói riêng, Trường Đại học Vinh nói chung cần tiếp tục đổi mới hơn nữa nội dung cũng như chương trình tư vấn tuyển sinh các ngành đại học, ngành kinh tế đang đào tạo tại trường.

Bảng 6. Cách tìm hiểu thông tin

Cách tìm hiểu thông tin	Số lượng	Tỉ lệ (%)
Quảng cáo báo giấy	12	1,9
Quảng cáo báo mạng	29	4,5
Chương trình giới thiệu về ngành học tại trường	137	21,1
Bố/ Mẹ, người thân giới thiệu	129	19,9
Bạn bè giới thiệu	36	5,9
Nguồn khác	104	16
Tổng	648	100

(Nguồn: Tổng hợp từ số liệu điều tra)

Kết quả nghiên cứu về thông tin ảnh hưởng tới quyết định lựa chọn dự tuyển ngành cho thấy, thông tin về môi trường đào tạo được sinh viên lựa chọn nhiều nhất với 241 sinh viên lựa chọn (chiếm tỉ lệ 37,2%). Thông tin được sinh viên lựa chọn ít nhất là thông tin về giảng viên và thông tin về cơ hội học bổng. Đối với người học, xây dựng và duy trì một môi trường học tập của cá nhân và tập thể, tạo điều kiện giúp người học đạt kết quả tốt trong quá trình theo học. Môi trường học tập không tự có sẵn mà nhà trường cần phải tạo lập, phát triển, duy trì và nuôi dưỡng nó.

Bảng 7. Thông tin ảnh hưởng tới quyết định lựa chọn ngành

Thông tin ảnh hưởng tới quyết định lựa chọn ngành	Số lượng	Tỉ lệ (%)
Cách thức tuyển sinh	115	17,7
Nội dung chương trình đào tạo	99	15,3
Giảng viên	12	1,9
Môi trường đào tạo	241	37,2
Cơ hội học bổng	27	4,2
Khác	154	23,8
Tổng	648	100

(Nguồn: Tổng hợp từ số liệu điều tra)

Kết quả nghiên cứu tại Bảng 7 cho biết thông tin ảnh hưởng tới quyết định dự tuyển của người học. Kết quả nghiên cứu tiếp theo tại Bảng 8 cho biết các kênh thông tin tham khảo thêm khi quyết định lựa chọn học tại trường kinh tế. Kết quả nghiên cứu cho thấy, tần suất được lựa chọn của các kênh thông tin thì tự tìm hiểu trên Internet (fanpage của trường, website của trường) chiếm đa số là 41,5%, thấp nhất là từ cán bộ tư vấn tuyển sinh là 3,9%. Kết quả nghiên cứu này một lần nữa khẳng định vai trò quan trọng của fanpage cũng như trang web của nhà trường trong việc quyết định chọn học tại Trường Kinh tế - Trường Đại học Vinh. Do vậy thời gian tới, Trường Kinh tế nói riêng, Trường Đại học Vinh nói chung cần tiếp tục hoàn thiện trang web, cập nhật các thông tin kịp thời để đáp ứng nhu cầu tìm hiểu của người học.

Bảng 8. Kênh thông tin tham khảo thêm

Cách tìm hiểu	Số lượng	Tỉ lệ (%)
Tham khảo từ người thân/ người quen có kinh nghiệm	188	29
Tham khảo từ thầy cô/ bạn bè có kinh nghiệm	47	7,3
Cán bộ tư vấn tuyển sinh	25	3,9
Sinh viên đang học tại trường	65	10
Tự tìm hiểu trên Internet (fanpage của trường, website của trường)	269	41,5
Kênh khác	27	4,2
Tổng	648	100

(Nguồn: Tổng hợp từ số liệu điều tra)

4.1.3. Cách đưa ra quyết định

Trong bảng kết quả cách thức đưa ra quyết định khi chọn học tại Trường Kinh tế - Trường Đại học Vinh cho thấy, cách thức lựa chọn tự quyết định và bố mẹ ủng hộ được sinh viên lựa chọn nhiều nhất 48,5% (tương ứng 314 sinh viên lựa chọn). Thấp nhất là bố mẹ quyết định 4,6%.

Bảng 9. Cách đưa ra quyết định khi chọn học

Cách tìm hiểu	Số lượng	Tỉ lệ (%)
Bố mẹ em quyết định	30	4,6
Bố mẹ em và em cùng quyết định	124	19,1
Em quyết định và bố mẹ ủng hộ	314	48,5
Em tự mình quyết định	147	22,7
Không có câu trả lời	33	5,1
Tổng	648	100

(Nguồn: Tổng hợp từ số liệu điều tra)

4.1.4. Nhận thức về nỗ lực học tập

Nhận thức đầy đủ về các yếu tố thúc đẩy nỗ lực của sinh viên có thể giúp nhà trường tăng động lực học tập cho sinh viên. Kết quả thống kê đánh giá nhận thức về nỗ lực học tập của sinh viên năm thứ nhất tại Trường Kinh tế - Trường Đại học Vinh cho thấy, phần lớn sinh viên đều đồng ý và hoàn toàn đồng ý với việc cần phải nỗ lực học tập tại Trường Kinh tế - Trường Đại học Vinh. Kết quả nghiên cứu cho thấy, trên 70% sinh viên nhận thức rằng việc nỗ lực học tập là quan trọng với em; việc nỗ lực học tập là hoàn đúng đắn; việc nỗ lực học tập là việc cần làm ngay từ năm thứ nhất và cuối cùng cần phải hết sức nỗ lực học tập mới có thể ra trường. Tuy nhiên, vẫn còn một bộ phận sinh viên chưa nhận thức đúng đắn về việc cần nỗ lực học tập hơn nữa. Kết quả nghiên cứu này là đáng quan tâm đối với nhà quản lí, thời gian tới cần có những cải tiến về môi trường đào tạo, chương trình đào tạo, giáo dục về tư tưởng để sinh viên nỗ lực hơn nữa trong học tập.

Bảng 10. Nhận thức về nỗ lực học tập

Nhận thức về nỗ lực học tập	Hoàn toàn không đồng ý	Không đồng ý	Phân vân	Đồng ý	Hoàn toàn đồng ý
Em nghĩ rằng việc nỗ lực học tập là quan trọng đối với em	102 (15,74%)	2 (0,3%)	13 (2%)	293 (45,23%)	238 (36,73%)
Em thấy rằng việc nỗ lực học tập là hoàn toàn đúng đắn	99 (15,28%)	3 (0,46%)	14 (2,16%)	299 (46,15%)	233 (35,95%)

Việc nỗ lực học tập là việc em cần phải làm ngay từ năm nhất	94 (14,51%)	4 (0,62%)	22 (3,39%)	308 (47,53%)	220 (33,95%)
Em phải hết sức nỗ lực học tập mới có thể ra trường	99 (15,28%)	10 (1,54%)	23 (3,55%)	291 (44,91%)	225 (34,72%)

(Nguồn: Tổng hợp từ số liệu điều tra)

4.2. Kỳ vọng của người học

4.2.1. Kỳ vọng về chương trình đào tạo

Bảng 11. Kỳ vọng về chương trình đào tạo

Kỳ vọng về chương trình đào tạo	Rất không kỳ vọng	Không kỳ vọng	Phân vân	Kỳ vọng	Rất kỳ vọng
Chương trình đào tạo phù hợp với trình độ người học	42 (6,48%)	12 (1,85%)	46 (7,10%)	376 (58,03%)	172 (26,54%)
Các môn học gắn liền với thực tế tại doanh nghiệp hiện nay	40 (6,17%)	10 (1,54%)	55 (8,49%)	335 (51,71%)	208 (32,09)
Tài liệu các môn học đa dạng, phong phú, dễ dàng tiếp cận	40 (6,17%)	9 (1,38%)	62 (9,57%)	343 (52,94%)	194 (29,94%)
Chương trình đào tạo đáp ứng được xu hướng hội nhập hiện nay	37 (5,71%)	14 (2,16%)	52 (8,02%)	331 (51,09%)	214 (33,02%)
Chương trình đào tạo được cập nhật và chỉnh sửa thường xuyên	39 (6,02%)	16 (2,47%)	62 (9,57%)	340 (52,47%)	191 (29,47%)

(Nguồn: Tổng hợp từ số liệu điều tra)

Hiện nay, việc phát triển chương trình đào tạo là mối quan tâm hàng đầu của các trường đại học nói chung, các trường kinh tế nói riêng. Phát triển chương trình đào tạo là quá trình liên tục nhằm hoàn thiện chương trình đào tạo. Phát triển chương trình đào tạo đại học có vai trò quan trọng trong việc đảm bảo chất lượng, đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển của nền kinh tế - xã hội và nhu cầu học tập của người học. Tuy nhiên, thực tế đã cho thấy, chưa có nhiều trường đầu tư đúng mức cho công việc này. Trong bảng Kỳ vọng về

chương trình đào tạo được khảo sát được trình bày tại Bảng 11, cho thấy phần lớn sinh viên đều có kỳ vọng rằng chương trình đào tạo phù hợp với trình độ người học; các môn học gắn liền với thực tế tại doanh nghiệp hiện nay; tài liệu các môn học đa dạng, phong phú, dễ dàng tiếp cận; chương trình đào tạo đáp ứng được xu hướng hội nhập hiện nay; chương trình đào tạo được cập nhật và chỉnh sửa thường xuyên. Trong đó, người học rất kỳ vọng chương trình đào tạo sẽ đáp ứng xu hướng hội nhập hiện nay.

4.2.2. Kỳ vọng về giảng viên

Bảng 12. Kỳ vọng về giảng viên

Kỳ vọng về giảng viên	Rất không kỳ vọng	Không kỳ vọng	Phân vân	Kỳ vọng	Rất kỳ vọng
Giảng viên là người nước ngoài giảng dạy	33 (5,09%)	74 (11,42%)	153 (23,61%)	273 (42,73%)	115 (17,75%)
Giảng viên được đào tạo ở nước ngoài	30 (4,63%)	32 (4,94%)	77 (11,88%)	347 (53,55%)	162 (25%)
Giảng viên có trình độ thạc sĩ	35 (5,40%)	10 (1,54%)	44 (6,79%)	351 (54,17%)	208 (32,10%)
Giảng viên có trình độ tiến sĩ	35 (5,40%)	11 (1,69%)	37 (5,71%)	336 (41,06%)	229 (46,14%)
Giảng viên rất thân thiện	35 (5,40%)	7 (1,08%)	24 (3,70%)	305 (47,07%)	277 (42,75%)

(Nguồn: Tổng hợp từ số liệu điều tra)

Giảng viên không chỉ đơn thuần là người làm công tác giảng dạy, người “truyền thụ” mà còn có nhiều vai trò khác trong môi trường đào tạo, bồi dưỡng hiện đại, như tư vấn, tạo điều kiện cho người học học tập. Với vai trò là người truyền thụ, giảng giải, giảng viên giới thiệu, trình bày, truyền đạt, cung cấp kiến thức, định hướng cho người học có được nhận thức và hành động đúng đắn. Do vậy, việc nghiên cứu về kỳ vọng của giảng viên là cần thiết trong nghiên cứu này. Trong Bảng 12 cho thấy, phần lớn sinh viên rất kỳ vọng về giảng viên: giảng viên là người nước ngoài, giảng viên được đào tạo tại nước ngoài, giảng viên đào tạo có trình độ tiến sĩ, và giảng viên thân thiện. Trong đó, người học kỳ vọng nhất về việc có nhiều giảng viên có trình độ tiến sĩ.

4.2.3. Kỳ vọng về trang thiết bị

Bảng 13. Kỳ vọng về trang thiết bị

Kỳ vọng về trang thiết bị	Rất không kỳ vọng	Không kỳ vọng	Phân vân	Kỳ vọng	Rất kỳ vọng
Trang thiết bị thực hành đầy đủ	37 (5,71%)	12 (1,85%)	24 (3,70%)	315 (48,6%)	260 (40,14%)
Có nhiều phòng máy tính để sinh viên thực hành	36 (5,56%)	12 (1,86%)	24 (3,7%)	308 (47,5%)	268 (41,38%)
Mạng wifi đủ mạnh và được phủ sóng toàn trường	35 (5,40%)	12 (1,86%)	33 (5,1%)	270 (41,8%)	298 (45,84%)
Hệ thống thư viện hiện đại	35 (5,40%)	6 (0,9%)	27 (4,2%)	300 (46,3%)	280 (43,8%)
Số lượng lớn các phòng học lí thuyết và thực hành	32 (4,94%)	14 (2,2%)	31 (8,9%)	309 (47,7%)	262 (36,26%)
Có nhiều khu vui chơi, thể thao, giải trí cho sinh viên	35 (5,40%)	18 (2,7%)	38 (5,9%)	287 (44,3%)	270 (41,7%)

(Nguồn: Tổng hợp từ số liệu điều tra)

Cơ sở vật chất, thiết bị dạy học nhà trường được sử dụng phục vụ cho mục đích hỗ trợ việc dạy và học, giúp cho quá trình dạy và học đạt được mục tiêu. Cơ sở vật chất đóng một vai trò hết sức ý nghĩa và quan trọng hoạt động dạy và học, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện trong nhà trường. Kết quả phân tích tại Bảng 13 cho thấy nhìn chung kỳ vọng của người học khá tập trung vào lựa chọn kỳ vọng và rất kỳ vọng. Trong đó người học kỳ vọng nhất về hệ thống mạng wifi của nhà trường đủ mạnh và có thể phủ sóng toàn trường. Tiếp đến là kỳ vọng về hệ thống thư viện hiện đại. Kết quả này phù hợp với nhu cầu tự học hiện nay của sinh viên.

4.2.4. Kỳ vọng về hệ thống quản lí, cuộc sống của sinh viên

Bảng 14. Kỳ vọng về hệ thống quản lí, cuộc sống của sinh viên

Kỳ vọng	Rất không kỳ vọng	Không kỳ vọng	Phân vân	Kỳ vọng	Rất kỳ vọng
Công tác quản lí tạo điều kiện cho người học	32 (4,9%)	13 (2,2%)	32 (4,9%)	357 (55%)	214 (33%)

Các bộ quản lí rất thân thiện với sinh viên	31 (4,8%)	8 (1,27%)	33 (4,93%)	348 (53,73%)	228 (35,27)
Có nhiều bạn mới ở trường	30 (4,6%)	19 (2,9%)	40 (6,2%)	344 (53,1%)	215 (33,2)
Thời gian hoà nhập vào môi trường mới nhanh	32 (5,2%)	11 (1,3%)	37 (5,8%)	349 (53,9%)	219 (33,8)
Hoạt động ngoại khoá đa dạng	33 (5,1%)	18 (2,8%)	41 (6,3%)	324 (50%)	232 (35,8%)
Mong muốn tham gia vào các hoạt động ngoại khoá thường xuyên	35 (5,4%)	13 (2%)	51 (7,8%)	336 (51,9%)	213 (32,9%)

(Nguồn: Tổng hợp từ số liệu điều tra)

Trong bảng kỳ vọng về hệ thống quản lí, kết quả nghiên cứu cho thấy sinh viên đang rất kỳ vọng vào đội ngũ quản lí thân thiện với sinh viên. Đối với hoạt động ngoại khoá, sinh viên mong muốn hoạt động ngoại khoá thời gian tới sẽ đa dạng hơn. Kết quả tại Bảng 15 cho thấy, hoạt động ngoại khoá đang được sinh viên mong muốn nhất là các sự kiện, tiếp đến là các câu lạc bộ với các hoạt động giải trí.

Bảng 15. Các hoạt động ngoại khoá được ưa thích

Cách tìm hiểu	Số lượng	Tỉ lệ (%)
Câu lạc bộ hỗ trợ học tập	71	11
Câu lạc bộ với các hoạt động giải trí	134	20,7
Câu lạc bộ rèn luyện kĩ năng	108	16,7
Câu lạc bộ với các hoạt động theo sở thích	100	15,4
Các sự kiện	156	24,1
Hoạt động khác	79	12,2
Tổng	648	100

(Nguồn: Tổng hợp từ số liệu điều tra)

5. Kết luận và giải pháp

Tiếp nối nghiên cứu của Kandiko & Mawer (2013), Trịnh Thị Thu Giang (2016), nghiên cứu này đã đưa ra một bức tranh chung về nhận thức và kỳ vọng của người học quyết định học các chương trình đào tạo đại học ngành kinh tế tại Trường Kinh tế - Trường Đại học Vinh.

Kết quả nghiên cứu cho thấy, sinh viên chọn chương trình là do sẽ có nhiều cơ hội việc làm hơn sau khi tốt nghiệp, tiếp đến là muốn được học ngành vì nó năng động. Với kết quả nghiên cứu này cho thấy, tâm lý của người học khi dự tuyển ngành kinh tế vẫn quan tâm chủ yếu tới đầu ra của ngành là dễ xin được việc làm. Kết quả cách tìm hiểu thông tin khi dự tuyển vào trường cho thấy: kênh thông tin phổ biến nhất là chương trình giới thiệu ngành học tại trường, tiếp theo là bố, mẹ, người thân giới thiệu, phương thức ít phổ biến nhất là quảng cáo báo giấy.

Kết quả nghiên cứu cho thấy, trên 70% sinh viên nhận thức rằng việc nỗ lực học tập là quan trọng với em, việc nỗ lực học tập là hoàn đúng đắn, việc nỗ lực học tập là việc cần làm ngay từ năm thứ nhất và cuối cùng cần phải hết sức nỗ lực học tập mới có thể ra trường. Tuy nhiên, vẫn còn một bộ phận sinh viên chưa nhận thức đúng đắn về việc cần nỗ lực học tập hơn nữa tại trường kinh tế. Phần lớn sinh viên đều có kỳ vọng rằng chương trình đào tạo phù hợp với trình độ người học; các môn học gắn liền với thực tế tại doanh nghiệp hiện nay; tài liệu các môn học đa dạng, phong phú, dễ dàng tiếp cận; chương trình đào tạo đáp ứng được xu hướng hội nhập hiện nay; chương trình đào tạo được cập nhật và chỉnh sửa thường xuyên. Trong đó, người học rất kỳ vọng chương trình đào tạo sẽ đáp ứng xu hướng hội nhập hiện nay. Phần lớn sinh viên rất kỳ vọng về có giảng viên là người nước ngoài, giảng viên được đào tạo tại nước ngoài; giảng viên đào tạo có trình độ tiến sĩ, và giảng viên thân thiện. Trong đó, người học kỳ vọng nhất về việc có nhiều giảng viên có trình độ tiến sĩ.

Để sinh viên năm nhất có thể thành công hơn khi tham gia học tập tại Trường Kinh tế - Trường Đại học Vinh, đáp ứng được kỳ vọng của người học khi học tập tại trường, nhóm nghiên cứu đề xuất một số giải pháp chính sau:

Chương trình đào tạo cử nhân khối ngành kinh tế tại Trường Đại học Vinh cần cập nhật, bổ sung định kì để các kiến thức cung cấp cho sinh viên đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động. Bên cạnh đó, nhà trường cần có nhiều giải pháp thiết thực để phổ biến cho sinh viên biết về mục tiêu đào tạo, chuẩn kỹ năng, kiến thức, điều kiện tốt nghiệp,... của chương trình đào tạo.

Nhà trường cần có quy định cụ thể về việc giảng viên phải dành một khoảng thời gian nhất định ngoài giờ lên lớp để tư vấn hỗ trợ sinh viên trong học tập.

Nhà trường cần tạo điều kiện, sân chơi, khuyến khích sinh viên tham gia các hoạt động ngoại khoá nhằm giải toả sự căng thẳng trong học tập và trang bị các kỹ năng cần thiết để dễ dàng gia nhập vào thị trường lao động.

Để nâng cao khả năng tự học, sinh viên cần phải xác định đúng mục tiêu, động cơ học tập; xây dựng kế hoạch học tập; phát huy năng lực tiếp nhận, xử lý, tổng hợp thông tin phục vụ hoạt động học tập trong sinh viên; xây dựng thói quen học tập tích cực, nắm vững kiến thức chuyên môn và phương pháp học tập khoa học.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ajzen, I. (1991), “The theory of planned behavior”, *Organizational Behavior and Human Decision Processes*, 50 (2), 179-211. [https://doi.org/10.1016/0749-5978\(91\)90020-T](https://doi.org/10.1016/0749-5978(91)90020-T)
2. Ajzen, I. & Fishbein, M. (1978). *Understanding Attitudes and Predicting Behaviour*. Prentice Hall.
3. Trịnh Thị Thu Giang (2016). “Nhận thức và kỳ vọng của người học khi dự tuyển vào chương trình liên kết đào tạo quốc tế bậc đại học tại Việt Nam”, *Tạp chí Kinh tế phát triển*, số 224 (II) tháng 2/2016.
4. Hill, Frances M. (1995). “Managing service quality in higher education: the role of the student as primary consumer”, *Quality Assurance in Education*, 3 (3), 10-21.
5. Đoàn Hiếu (2023). Các nhân tố tác động đến quyết định lựa chọn của người học với chương trình cử nhân du học tại chỗ ngành kinh tế và quản trị kinh doanh ở Việt Nam, Luận án Tiến sĩ ngành Kinh tế quốc tế, Đại học Kinh tế quốc dân.
6. Kandiko, C. B. & Mawer, M. (2013). *Student Expectations and Perceptions of Higher Education*, London: King’s Learning Institute, Retrieved on December 11th 2015 from <https://www.kcl.ac.uk/study/learningteaching/kli/People/Research/DL/QAARreport.pdf>
7. Hoàng Thị Mỹ Nga & Nguyễn Tuấn Kiệt (2016). “Phân tích các nhân tố tác động đến động lực học tập của sinh viên kinh tế Trường Đại học Cần Thơ”, *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ, Phần D: Khoa học Chính trị, Kinh tế và Pháp luật*: 46 (2016): 107-115.
8. Phạm Thị Liên (2016). “Chất lượng dịch vụ đào tạo và sự hài lòng của người học Trường hợp Trường Đại học Kinh tế, Đại học Quốc gia Hà Nội”, *Tạp chí Khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội: Kinh tế và Kinh doanh*, tập 32, số 4 (2016) 81-89.
9. Slovin, M. B. & Sushka, M. E. (1984). “A note on the evidence on alternative models of the banking firm: A cross section study of commercial loan rates”, *Journal of Banking & Finance*. 8 (1), pp. 99-108.
10. Đỗ Hữu Tài, Lâm Thành Hiển & Nguyễn Thanh Lâm (2016). “Các nhân tố tác động đến động lực học tập của sinh viên - Ví dụ thực tiễn tại Trường Đại học Lạc Hồng”, *Tạp chí Khoa học Lạc Hồng*, số 5 (2016), tr. 1-6.

MỤC LỤC

	Trang
- Lời nói đầu	7
- Phát triển chương trình đào tạo ở các trường đại học đáp ứng mục tiêu phát triển bền vững - Đặng Văn Tiến	8
- Phát huy vai trò của giáo dục và đào tạo trong chiến lược phát triển bền vững ở Việt Nam hiện nay - Hoàng Thị Giang	15
- Giáo dục vì mục tiêu phát triển bền vững ở Việt Nam hiện nay - Nguyễn Cẩm Nga	27
- Giáo dục đại học trong bối cảnh chuyển đổi số - Lê Quốc Diễm	35
- Một số giải pháp nâng cao hiệu quả quá trình chuyển đổi số trong giáo dục đại học hiện nay - Vũ Trà Giang	46
- Chuyển đổi số trong giáo dục đại học ở Việt Nam hướng tới mục tiêu phát triển bền vững - Lê Trọng Hưng	59
- Nâng cao hiệu quả mối quan hệ hợp tác giữa nhà trường với doanh nghiệp nhằm đáp ứng nhu cầu của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 ở Việt Nam, hướng tới mục tiêu phát triển bền vững - Lê Thanh Thủy	69
- Thực trạng tích hợp giáo dục vì phát triển bền vững trong chương trình học phi chính thức tại Trường Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng - Trần Thiện Trí	85
- Nâng cao chất lượng đào tạo ngành du lịch tại Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh theo tiêu chuẩn du lịch ASEAN năm 2023 - Lê Quốc Hưng, Chung Lê Khang	102
- Chuyển đổi số trong kế toán - nhu cầu của doanh nghiệp và sự thích ứng từ phía các trường đại học - Nguyễn Hồng Nga, Lâm Thị Trúc Linh, Nguyễn Ngọc Thọ, Trần Thị Ánh Hồng	112
- Mức độ nhận thức và kỳ vọng của người học khi quyết định lựa chọn các chương trình đào tạo cử nhân khối ngành Kinh tế tại Trường Đại học Vinh - Nguyễn Đăng Đức, Bùi Thị Khánh Huyền, Lê Thị Giang	121
- Hợp tác giữa cơ sở giáo dục đại học và doanh nghiệp - yếu tố nâng cao chất lượng nguồn nhân lực hiện nay - Đỗ Thị Thu Huyền	139
- Phát triển nguồn nhân lực, thúc đẩy đầu tư xanh: Vấn đề hợp tác giữa Trường Đại học Nông lâm Thành phố Hồ Chí Minh và doanh nghiệp hiện nay - Nguyễn Khoa Huy	149
- Chuyển đổi kỹ thuật số trong giáo dục do đại dịch COVID-19 và bước tiến tiếp theo hướng tới mục tiêu phát triển bền vững tại Việt Nam - Lê Thị Thuý Hà	158
- Chuyển đổi số trong giáo dục ở Đại học Thái Nguyên - Nguyễn Thị Quế Loan	175
- Chuyển đổi số trong dạy học và kiểm tra đánh giá tại Trường Đại học Kinh tế Quốc dân - Hoàng Văn Thắng, Phạm Văn Nghĩa	186
- Nghiên cứu năng lực thông tin của sinh viên ngành Kế toán trong bối cảnh chuyển đổi số - Trương Thị Hoài, Ngô Ngọc Thu, Trần Thị Ngân	191

NHÀ XUẤT BẢN NGHỆ AN
37B - Lê Hồng Phong - TP. Vinh - Nghệ An
Giám đốc - Tổng Biên tập: 0238.3844748 - 0983.524134
Văn phòng: 0238.3840560
Email: nxbnghean@gmail.com

KỶ YẾU
HỘI THẢO KHOA HỌC QUỐC GIA
PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC,
THÚC ĐẨY ĐẦU TƯ XANH
HƯỚNG TỚI MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Chịu trách nhiệm xuất bản và nội dung

Giám đốc - Tổng Biên tập: ThS. BÙI THỊ NGỌC

Biên tập:

ThS. Phạm Thị Hằng, Phạm Ngọc Chi,

ThS. Trần Thị Thanh Yên

Bìa:

Mỹ Hạnh

Trình bày:

Mai Hồng

Sửa bản in:

Ban Biên tập

Đôi tác liên kết:

Trường Đại học Kinh tế Nghệ An

ISBN 978-604-376-572-4

In 20 cuốn, khổ 19x27cm, In tại Công ty TNHH in Hoà Nhơn, số 6/6, Lê Khôi, TP.Vinh, Nghệ An.
Đăng ký xuất bản số: 840-2024/CXBIPH/6-10/NA. Quyết định xuất bản số: 51/QĐ-NXBNA,
cấp ngày 2/4/2024.

In xong và nộp lưu chiểu quý II năm 2024.